TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2026
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Được.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 448/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1983; CCCD số 075183000888 do Cục Trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/9/2022.

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

"Có đơn xin xét xử vắng mặt"

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1981; CMND số 093081002972 do Cục Trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/12/2021.

Địa chỉ: Số B, ấp A (nay là ấp A), xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. "Vắng mặt không lý do"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trương Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Văn N kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũ (Nay thuộc xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 18/02/2025. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên bất đồng trong cuộc sống, mặc dù đã cố gắng tìm cách khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành, nhưng tình hình ngày càng trầm trọng nên sống chung không hạnh phục. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và không thể sống chung với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyến cho bà T được ly hôn ông N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà T và ông N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn N vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 448/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo giấy triệu tập ông N đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án. Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm là chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trương Thị Thu T được ly hôn ông Nguyễn Văn N; về con chung, không có nên không xem xét; về tài sản và nợ chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu

vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trương Thị Thu T có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên tòa sơ thẩm mở ngày 26/8/2026 và ngày 11/9/2026, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông N theo quy định.

[2]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 07/2025, ngày 18/02/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũ (Nay thuộc xã L, Thành phố Hồ Chí Minh), xác định hôn nhân giữa bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Văn N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên bất đồng trong cuộc sống. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà T được ly hôn ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân bà T và ông N không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về tài sản và nợ chung:* Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn bà Trương Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thu T được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phi: Bà Trương Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038652 ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Trương Thị Thu T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 13-Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM (Phòng THADS khu vực 13-Tp.HCM);
- UBND xã Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Duy

Nguyễn Văn D